



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 - 7



Số tham chiếu: 60755035/15503723

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt kèm theo từ trang 2 đến trang 7 đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi được lập vào ngày 20 tháng 03 năm 2013 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã được lập ra.

Ý kiến Kiểm toán


Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã phù hợp và nhất quán trên các khía cạnh trọng yếu với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất năm mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán độc lập tương ứng.



Ernst & Young Vietnam Hh.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam


Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV


Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	987.535	1.220.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	4.499.702	964.132
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	28.985.403	28.761.657
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	17.955.227	28.477.581
Cho vay các TCTD khác	11.084.589	290.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(54.413)	(5.924)
Chứng khoán kinh doanh	57.270	50.691
Chứng khoán kinh doanh	93.201	89.186
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(35.931)	(38.495)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	58.325	74.103
Cho vay khách hàng	28.193.028	37.388.434
Cho vay khách hàng	28.943.630	37.752.939
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(750.602)	(364.505)
Chứng khoán đầu tư	30.237.353	34.087.715
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	30.388.907	34.123.344
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(151.554)	(35.629)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.103.488	1.754.772
Đầu tư dài hạn khác	2.109.273	1.754.772
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.785)	-
Tài sản cố định	900.846	724.903
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>355.951</i>	<i>241.739</i>
Nguyên giá tài sản cố định	527.937	350.373
Hao mòn tài sản cố định	(171.986)	(108.634)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>296.438</i>	<i>303.083</i>
Nguyên giá tài sản cố định	312.780	312.780
Hao mòn tài sản cố định	(16.342)	(9.697)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>248.457</i>	<i>180.081</i>
Nguyên giá tài sản cố định	308.511	219.593
Hao mòn tài sản cố định	(60.054)	(39.512)
Bất động sản đầu tư	1.023.789	1.076.725
Nguyên giá bất động sản đầu tư	1.061.315	1.092.413
Hao mòn bất động sản đầu tư	(37.526)	(15.688)
Tài sản có khác	12.876.637	8.270.999
Các khoản phải thu	9.011.234	2.962.891
Các khoản lãi, phí phải thu	3.670.346	3.070.797
Các khoản phải thu Ngân sách nhà nước	25.924	-
Tài sản Có khác	311.002	2.257.491
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(141.869)	(20.180)
TỔNG TÀI SẢN	109.923.376	114.374.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	5.329.623	10.116.221
Tiền gửi và vay các TCTD khác	30.234.984	22.830.507
Tiền gửi của các TCTD khác	17.615.920	20.350.698
Vay các TCTD khác	12.619.064	2.479.809
Tiền gửi của khách hàng	59.586.516	62.294.523
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	145.363	394.048
Phát hành giấy tờ có giá	2.295.002	7.178.500
Các khoản nợ khác	3.241.857	2.061.318
Các khoản lãi, phí phải trả	1.438.049	1.296.142
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	-	301.474
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.778.470	432.353
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	25.338	31.349
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	100.833.345	104.875.117
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ		
Vốn của TCTD	8.352.692	8.400.607
Vốn điều lệ	8.000.000	8.000.000
Vốn đầu tư XDCH	607	607
Thặng dư vốn cổ phần	400.000	400.000
Cổ phiếu quỹ	(47.915)	-
Quỹ của TCTD	467.511	410.670
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	269.828	688.604
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.090.031	9.499.881
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	109.923.376	114.374.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2012</u> <i>triệu đồng</i>	<u>31/12/2011</u> <i>triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Cam kết bảo lãnh	1.809.425	7.920.846
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	892.547	1.223.616
Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh	(268.147)	(2.041.288)
	<u>2.433.825</u>	<u>7.103.174</u>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<i>Năm 2012 triệu đồng</i>	<i>Năm 2011 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	11.927.357	14.078.653
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(9.917.431)	(12.521.177)
Thu nhập lãi thuần	2.009.926	1.557.476
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	171.870	440.193
Chi phí hoạt động dịch vụ	(132.209)	(96.442)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	39.661	343.751
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	87.982	41.904
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.351	(35.017)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	98.515	(29.308)
Thu nhập từ hoạt động khác	530.222	829.332
Chi phí hoạt động khác	(285.535)	(417.270)
Lãi thuần từ hoạt động khác	244.687	412.062
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	137.392	121.610
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	2.619.514	2.412.478
Chi phí tiền lương	(814.362)	(578.456)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(127.322)	(69.076)
Chi phí hoạt động khác	(913.642)	(608.372)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(1.855.326)	(1.255.904)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	764.188	1.156.574
Chi phí dự phòng cho vay TCTD	(48.489)	(5.924)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và công nợ tiềm ẩn, cam kết ngoại bảng	(562.530)	(237.052)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	102.223	122.997
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	255.392	1.036.595
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(28.978)	(239.255)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(28.978)	(239.255)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	226.414	797.340
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	284	1.202

Người lập



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2012 triệu đồng</i>	<i>Năm 2011 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		11.327.808	12.561.487
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.775.522)	(12.046.563)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		39.660	343.751
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		301.209	13.358
Thu nhập khác		525.231	792.169
Chi phí khác		(797.788)	(713.412)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		3.780	36.335
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.211.763)	(923.521)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	23.1	(295.606)	(319.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		117.009	(255.731)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(6.369.710)	(4.190.130)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		4.362.191	(5.026.071)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		15.778	(74.103)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		8.809.309	(5.923.404)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(80.221)	(62.357)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		(3.931.870)	(4.289.091)
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(4.786.598)	(1.716.952)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		7.404.477	(10.528.356)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		(2.708.008)	13.667.815
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(4.883.498)	(5.016.821)
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(248.685)	(877.096)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(78.869)
Tăng khác về công nợ hoạt động		1.322.909	286.235
Chi từ các quỹ của TCTD	24	(32.467)	(25.047)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.057.352)	(4.388.420)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	14	(287.048)	(147.766)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.213	829
Mua sắm bất động sản đầu tư		(5.135)	(1.029.933)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	13	(348.715)	(1.221.190)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	34	137.392	121.610
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(502.293)	(2.276.450)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2012 triệu đồng</i>	<i>Năm 2011 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	2.400.000
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	26	(555.906)	(224.021)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		(47.915)	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(603.821)	2.175.979
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.163.466)	(4.488.891)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	36	21.935.457	26.424.348
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	36	19.771.991	21.935.457

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Lũy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2013